

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1673 /BTP-TĐKT

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2023

V/v hướng dẫn đề nghị xét
tặng Kỷ niệm chương “Vì sự
nghiệp Tư pháp” năm 2023

Kính gửi:

- Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- Tổ chức pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội thành viên của Mặt trận;
- Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng.

Căn cứ Thông tư số 06/2018/TT-BTP ngày 07/6/2018 của Bộ Tư pháp quy định xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2018/TT-BTP), Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” (Sau đây gọi tắt là Kỷ niệm chương) năm 2023 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG**1. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đã và đang công tác trong ngành Tư pháp**

Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đã và đang công tác trong ngành Tư pháp thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 06/2018/TT-BTP, cụ thể:

1.1. Lãnh đạo, nguyên Lãnh đạo Bộ Tư pháp;

1.2. Lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ một trong các điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ chức vụ tối thiểu 05 năm đối với cấp trưởng, 08 năm đối với cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian quy định;

b) Cá nhân công tác tại các ngành khác được điều động về ngành Tư pháp để bổ nhiệm các chức vụ quy định tại điểm a nêu trên thì được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có thời gian giữ chức vụ trong ngành Tư pháp tối thiểu 06

năm đối với cấp trưởng, 09 năm đối với cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian quy định.

Trong đó:

- Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo quy định tại các điểm a, b thuộc tiêu mục 1.2 Mục 1 Phần I Công văn này thì thời gian giữ các chức vụ để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương được giảm 02 năm so với quy định chung;

- Cá nhân có thời gian giữ chức vụ nhưng không đủ thời gian để đề nghị xét tặng theo tiêu chuẩn quy định đối với chức vụ đó thì được cộng với thời gian giữ chức vụ thấp hơn liền kề để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định đối với chức vụ thấp hơn liền kề.

1.3. Cá nhân đã và đang công tác tại các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 20 năm công tác trở lên đối với nam, 15 năm công tác trở lên đối với nữ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian quy định.

1.4. Cá nhân công tác trong các ngành, tổ chức khác chuyển về ngành Tư pháp hoặc từ ngành Tư pháp chuyển sang làm công tác tư pháp tại các ngành, tổ chức khác được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 22 năm công tác trở lên đối với nam, có đủ 17 năm công tác trở lên đối với nữ, trong đó có tối thiểu 10 năm công tác trong ngành Tư pháp và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian quy định.

*** Lưu ý:** Khi xem xét điều kiện “..... hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian quy định” của cá nhân đã và đang công tác trong ngành Tư pháp quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 5 của Thông tư 06/2018/TT-BTP, nếu trong thời gian công tác cá nhân có một, hoặc một số năm không được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, thì thời gian đó không được tính vào tổng thời gian là điều kiện để đề nghị xét tặng. Bản tóm tắt quá trình công tác của cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP, phải thể hiện nội dung hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian quy định.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đang làm công tác tư pháp

Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đã và đang công tác trong ngành Tư pháp thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 06/2018/TT-BTP, theo đó:

2.1. Cá nhân đang công tác tại các cơ quan Thi hành án Quân đội; cá nhân trực tiếp làm công tác pháp chế tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, ngành ở Trung ương; Luật

sư; Công chứng viên làm việc tại các Văn phòng Công chứng; Đấu giá viên làm việc tại các doanh nghiệp bán đấu giá tài sản; Thừa phát lại; Quản tài viên; Giám định viên Tư pháp; Hòa giải viên thương mại; Trọng tài viên được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 22 năm làm công tác tư pháp trở lên đối với nam, có đủ 17 năm làm công tác tư pháp trở lên đối với nữ.

2.2. Cá nhân là Hòa giải viên ở cơ sở được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 10 năm trở lên liên tục trực tiếp làm công tác hoà giải tại thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố hoặc có đủ 08 năm trở lên liên tục trực tiếp làm công tác hoà giải và có thành tích xuất sắc được khen thưởng từ 03 Giấy khen hoặc 01 Bằng khen của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về công tác hoà giải. Đối với Hòa giải viên nữ thì thời gian làm công tác hoà giải quy định tại khoản này được giảm 02 năm.

Trong đó:

- Mốc thời gian là điều kiện có đủ 10 năm trở lên hoặc có đủ 08 năm trở lên liên tục trực tiếp làm công tác hoà giải được xác định trên cơ sở quyết định công nhận là Tổ trưởng tổ hòa giải hoặc là Hòa giải viên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Pháp lệnh số 09/1998/PL-UBTVQH10 ngày 25/12/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở (Pháp lệnh số 09/1998/PL-UBTVQH10), Nghị định số 160/1999/NĐ-CP ngày 18/10/1999 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở và Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

- Việc xem xét điều kiện liên tục, trực tiếp làm công tác hòa giải ở cơ sở phải căn cứ vào kết quả vụ, việc đã thực hiện của hòa giải viên được thống kê hàng năm theo quy định tại Pháp lệnh số 09/1998/PL-UBTVQH10, Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013 và Quyết định số 889/QĐ-BTP ngày 21/4/2014 của Bộ Tư pháp ban hành mẫu Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở;

- Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho Hòa giải viên phải có Quyết định công nhận Tổ trưởng Tổ hòa giải nếu cá nhân được đề nghị là Tổ trưởng, Quyết định công nhận Hòa giải viên nếu cá nhân là Hòa giải viên của tổ hòa giải và Bản tóm tắt quá trình công tác của cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư phải có nội dung thống kê về tổng số vụ việc thực hiện từng năm của hòa giải viên trong khoảng thời gian là điều kiện để xét khen thưởng trên cơ sở vụ việc đã được thống kê tại Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở, có chữ ký xác nhận của Tổ trưởng tổ hòa giải và Ủy ban nhân dân cấp xã. Tổ trưởng tổ hòa giải, Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Tư pháp

phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung thông kê khi ký trình đề nghị xét tặng.

3. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân khác có công lao đóng góp cho sự phát triển của ngành Tư pháp Việt Nam

Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân khác có công lao đóng góp cho sự phát triển của ngành Tư pháp Việt Nam quy định tại Điều 7 Thông tư số 06/2018/TT-BTP, theo đó:

3.1. Cá nhân công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các trường hợp:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; Lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Cấp phó của người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc, Phó Giám đốc sở, ngành và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có thời gian giữ chức vụ đủ 01 nhiệm kỳ trở lên.

3.2. Cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có công lao, thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và củng cố mối quan hệ hợp tác giữa các nước, các tổ chức quốc tế với ngành Tư pháp, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tư pháp Việt Nam.

3.3. Cá nhân có sáng kiến, giải pháp, công trình khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, có giá trị thực tiễn, đóng góp thiết thực, hiệu quả cho sự phát triển của ngành Tư pháp; cá nhân có giúp đỡ, ủng hộ xứng đáng về tài chính hoặc vật chất cho sự phát triển ngành Tư pháp Việt Nam.

II. CÁC TRƯỜNG HỢP CHƯA ĐƯỢC XÉT TẶNG, CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

1. Các trường hợp chưa được xét tặng Kỷ niệm chương

Theo Điều 9 Thông tư số 06/2018/TT-BTP, các trường hợp chưa được xét tặng Kỷ niệm chương bao gồm:

1.1. Cá nhân chưa được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật, hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh, làm rõ.

1.2. Cá nhân có đủ thời gian công tác quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 5 và Điều 6 của Thông tư số 06/2018/TT-BTP nhưng bị kỷ luật dưới mức buộc thôi việc hoặc dưới mức khai trừ Đảng, chỉ được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sau 01 năm tính từ thời điểm có quyết định xoá kỷ luật hoặc hết thời hiệu xử lý kỷ luật Đảng. Thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

2. Các trường hợp không được xét tặng Kỷ niệm chương

Các trường hợp không được xét tặng Kỷ niệm chương được quy định rõ tại Điều 10 của Thông tư số 06/2018/TT-BTP bao gồm:

2.1. Cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện thuộc các đối tượng quy định tại Điều 5, Điều 6 và Khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 06/2018/TT-BTP không được xét tặng Kỷ niệm chương khi bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị khai trừ Đảng.

2.2. Cá nhân đã được tặng Huy chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” thì không xét tặng Kỷ niệm chương.

III. CÁCH TÍNH THỜI GIAN ĐỂ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ

1. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp được công nhận là Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương ngay sau khi có quyết định khen thưởng.

2. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp được tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao của ngành Tư pháp và của Nhà nước được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn thời gian quy định tùy thuộc vào danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng cao nhất đã được xét tặng như sau:

2.1. “Huân chương Lao động” các hạng được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 05 năm;

2.2. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 03 năm;

2.3. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc danh hiệu “Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp”, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 02 năm.

3. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp ở các tỉnh, huyện, xã miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới, hải đảo thì thời gian công tác thực tế tại các địa bàn trên được nhân với hệ số 1,2 đối với các tỉnh, huyện, xã có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,1 đến 0,5 và được nhân với hệ số 1,5 đối với các tỉnh, huyện, xã có hệ số phụ cấp khu vực 0,7 hoặc 1,0 để tính thời gian công tác trong ngành Tư pháp hoặc tính thời gian làm công tác tư pháp để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

4. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp theo hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn thì thời gian công tác trong ngành hoặc làm công tác tư pháp để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương được tính từ thời điểm được tuyển dụng.

IV. QUY TRÌNH, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

1. Quy trình xét tặng Kỷ niệm chương

Quy trình xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 06/2018/TT-BTP.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

2.1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục thông thường

Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục thông thường áp dụng với các đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại các tiểu mục 1.2, 1.3, 1.4 Mục 1; các tiểu mục 2.1, 2.2 Mục 2 và điểm b tiểu mục 3.1 và tiểu mục 3.3 Mục 3 Phần I của Công văn này được lập thành 01 bộ như quy định tại Điều 12 của Thông tư số 06/2018/TT-BTP, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương của Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự, các đơn vị thuộc Bộ hoặc các cơ quan, tổ chức có cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 01, kèm theo Danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 06/2018/TT-BTP đối với các cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 5 và Điều 6; Danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 2A ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 7; Danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 2B ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Thông tư;

b) Bản tóm tắt thành tích, quá trình công tác của cá nhân được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý cán bộ đối với cá nhân đang công tác; có xác nhận của cơ quan quản lý ra quyết định nghỉ hưu đối với cá nhân đã nghỉ hưu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP đối với đối tượng quy định tại Khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 5 và Điều 6 của Thông tư; Bản tóm tắt công lao, thành tích đóng góp cho sự

ng nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tư pháp Việt Nam theo Mẫu số 3A ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm b Khoản 1 và Khoản 3 Điều 7 của Thông tư;

c) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự, các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp hoặc của các cơ quan, tổ chức có cá nhân được đề nghị xét tặng;

d) Bản chụp quyết định khen thưởng, quyết định kỷ luật của cá nhân thuộc đối tượng quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 8 của Thông tư.

2.2. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục đơn giản

Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục đơn giản áp dụng với đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại tiểu mục 1.1 Mục 1; điểm a tiểu mục 3.1, 3.2 Mục 3 Phần I của Công văn này được lập thành 01 bộ theo quy định tại Điều 13 của Thông tư số 06/2018/TT-BTP, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương của Sở Tư pháp, của Cục Thi hành án dân sự hoặc của các đơn vị thuộc Bộ theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP;

b) Danh sách trích ngang cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều 5 và Khoản 4 Điều 7 của Thông tư;

c) Danh sách trích ngang cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP đối với đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư;

d) Danh sách trích ngang cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 4B ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP và văn bản nhận xét của Bộ Ngoại giao, Bộ Công an đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư.

2.3. Phương thức gửi hồ sơ.

Ngoài việc gửi hồ sơ bằng đường công văn, các đơn vị đồng thời gửi bằng văn bản điện tử đối với tờ trình, danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng (thidukhenthuong@moj.gov.vn).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Bộ có trách nhiệm phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ rà soát, lập hồ sơ, đề xuất tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" cho các đồng chí là Lãnh đạo Bộ.

2. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm rà soát, lập hồ sơ, đề xuất tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" cho các đồng chí là cán bộ, công chức của ngành đã nghỉ chế độ mà chưa được tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp".

3. Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện, gửi hồ sơ đề nghị xét tặng về Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp trước ngày **30/5/2023** để tổng hợp gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng Bộ Tư pháp.

Tổng cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ do Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chuyển đến để tổng hợp và gửi hồ sơ đề nghị về Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp (Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày **15/6/2023** để tham mưu thực hiện các quy trình xét tặng.

4. Các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quy trình đề nghị theo thẩm quyền và gửi hồ sơ đề nghị về Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp (Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày **15/6/2023**.

5. Tổ chức pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ tham mưu cho thủ trưởng đơn vị thực hiện quy trình đề nghị, gửi hồ sơ đề nghị xét tặng về Bộ Tư pháp qua (Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước ngày **15/6/2023**.

Trong quá trình thực hiện, đề nghị các đơn vị lựa chọn đúng đối tượng đủ tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP ngày 07/6/2018 của Bộ Tư pháp quy định xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”, gửi hồ sơ về Bộ Tư pháp theo đúng thời gian quy định. Các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn hoặc hồ sơ gửi sau các mốc thời gian nêu trên sẽ không được xem xét. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) để được hướng dẫn, giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh (để b/c);
- Thành viên HĐTĐKT ngành TP;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Nguyễn Thị Tố Nga

